TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LX** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 25 – 10 – 2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Phạm Ngọc Nguyên;

2. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LX.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 428/2019/TLST – HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 187/2019/QĐST – HNGĐ ngày 01/10/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Phương V, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số x/y, khóm Đ, phường P, thành phố LX, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số x/y, khóm Đ, phường P, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 10/6/2019, bản tự khai không đề ngày và tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là bà Phạm Thị Phương V trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hoàng P được người thân mai mối và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2005 và đăng ký kết hôn vào ngày 26/5/2009 tại Ủy ban nhân dân phường P. Hôn nhân lần thứ nhất của cả hai vợ chồng. Sau khi kết hôn, bà và ông P sống tại gia đình bên chồng là nhà số x/y, khóm Đ, phường P, thành phố LX. Quá trình chung sống không có hạnh phúc do ông P không lo làm ăn, không quan tâm đến kinh tế gia đình, không tiếp bà nuôi dạy các con, thường xuyên nhận nhẹt say xỉn. Khi bà góp ý để ông P sửa đổi thì không được cha mẹ chồng ủng hộ. Bà và ông P ly thân hơn một năm qua và bà đi làm thuê tại Phú Quốc. Do không còn tình cảm với chồng nên bà mong muốn được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông P có 02 (Hai) con chung tên Nguyễn Phạm Minh Đ sinh ngày 24/6/2006 và Nguyễn Phạm Ngọc T sinh ngày 25/5/2012. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là ông Nguyễn Hoàng P vắng mặt lần thứ hai và bà V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V vì bà và ông P ly thân đã lâu, hôn nhân của ông bà không còn mang lại hạnh phúc. Về con chung, do các con chung có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con của

nguyên đơn. Do bà V không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Do ông P không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Phạm Thị Phương V và ông Nguyễn Hoàng P là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết.

[2] Xét thấy, ông Nguyễn Hoàng P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại nhà số x/y, khóm Đ, phường P, thành phố LX. Như vậy, đủ cơ sở xác định nơi cư trú hợp pháp của ông P là địa chỉ trên. Thời gian qua, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống Đ, niêm yết các thông báo, quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như quyết định hoãn phiên tòa cho ông Ngà theo quy định tại các Điều 177 và 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, ông Ngà vắng mặt lần thứ hai không lý do. Bà V có đơn đề ngày 08/10/2019 về việc đề nghị vắng mặt khi Tòa án xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Phương V và ông Nguyễn Hoàng P tự nguyện tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố LX cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 112/2012, quyển số 01/2009 ngày 26/5/2009 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Bà V cho rằng quá trình chung sống, ông P thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, không tôn trọng vợ và cha mẹ vợ. Phía ông P được Tòa án nhiều lần tống Đ, niêm yết công khai các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, ông vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của bà V và không đến

tham gia hòa giải. Như vậy, ông đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc ông không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tạo thêm thời gian dài để bà V và ông P có cơ hội để hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà V vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Từ đó, có thể nhận thấy tình cảm của bà V dành cho ông P không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà V và ông P không Đ được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà V được ly hôn ông P.

[6] Về con chung: Bà V trình bày, bà và ông P có hai con chung tên Nguyễn Phạm Minh Đ sinh ngày 24/6/2006 và Nguyễn Phạm Ngọc T sinh ngày 25/5/2012. Lời khai của bà V phù hợp với bản sao khai sinh số 148/KS.MP ngày 15/4/2010 và bản sao khai sinh số 324/2012 ngày 27/6/2012 do Ủy ban nhân phường P cấp. Xét thấy, các con chưa thành niên có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu được nuôi con của nguyên đơn.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà V không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ý kiến của ông P về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến. Sau này, các bên P sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[9] ***Về án phí*:** Bà V phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà V đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004554 ngày 28/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 176, Điều 179, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Phương V được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng P.

- Về con chung: Bà V và ông P có 02 (Hai) con chung tên Nguyễn Phạm Minh Đ sinh ngày 24/6/2006 và Nguyễn Phạm Ngọc T sinh ngày 25/5/2012. Bà V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung.

Ông P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà V không yêu cầu.

Bà V cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông P được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

***Về án phí*:** Bà V phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà V đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004554 ngày 28/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà V và ông P được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự ;*
- *VKSND TPLX;*
- *THADS TPLX;*
- *UBND p. P;*
- *Lưu hồ sơ./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Phạm Xuân Khanh

Nơi nhận:
THẨM TÒA
- *Các đương sự ;*
- *VKSND TPLX;*
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *Chi cục THADS TPLX;*
- *Lưu: hồ sơ, VP./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Trần Phạm Xuân Khanh